TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 92/2026/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên, ngày 25 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 200/2026/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 1992.
CCCD số: 011192001521; Cấp ngày: 10/3/2023.
Địa chỉ: Bản C, phường Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Quàng Văn P, sinh năm: 1984.
CCCD số: 011084001289; Cấp ngày: 05/6/2024.
Địa chỉ: Bản C, phường Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Quàng Văn P thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quàng Duy L, sinh ngày 30/8/2010, anh P được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Quàng Đức T1, sinh ngày 30/10/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh P không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14, thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng án phí DSST. Nhưng chị T tự nguyện chịu cả phần án phí DSST của anh P, tổng số tiền án phí DSST chị T phải nộp là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000261, ngày 28/4/2026. Chị T đã nộp đủ án phí và được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Điện Biên Phủ;
- Các đương sự;
- Kế toán; Văn phòng;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Duy